QUYỀN HƯỞNG DI SẢN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC THÀNH THAI VÀ SINH RA SAU THỜI ĐIỂM MỞ THỪA KẾ

Trần Tuấn Cảnh*

Tóm tắt: *Bài viết phân tích quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế nhìn từ quy định pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam và một số nước trên thế giới, qua đó, tác giả kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.*

Abstract: *Within the scope of the article, the author analyzes the inheritance rights of people who are conceived and born after the time of commencing inheritance in the regulations and practices of countries around the world, thereby proposing to strengthen the inheritance law in Viet Nam.*

1. Quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế theo pháp luật Việt Nam

1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền hưởng di sản thừa kế

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015), cá nhân có quyền được hưởng di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật, mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền hưởng di sản thừa kế. Tuy nhiên, các cá nhân tại thời điểm mở thừa kế phải thỏa mãn các điều kiện sau đây thì mới được quyền hưởng thừa kế: (1) Là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế, hoặc (2) Là người sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết[1].

Căn cứ vào quy định tại Điều 613 nêu trên, người đã thành thai trước khi người để lại di sản thừa kế chết thì vẫn được hưởng di sản thừa kế như những cá nhân khác cùng hàng thừa kế. Theo đó, khi phân chia di sản thừa kế, nếu có người thừa kế cùng hàng đã thành thai nhưng chưa sinh ra thì phải để lại một phần di sản bằng phần của những người thừa kế khác.

Tuy nhiên, trường hợp người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế thì quyền của những đứa trẻ này đối với phần di sản do người chết để lại chưa được pháp luật Việt Nam ghi nhận. Trên thực tế, đã có một số trường hợp người vợ/chồng sử dụng tinh trùng/trứng/noãn của người quá cố để lại, sau đó thụ tinh và sinh ra những đứa trẻ sau thời điểm mở thừa kế. Hiện tại, pháp luật Việt Nam không có quy định nào cấm việc các bác sĩ hoặc cơ sở y tế thực hiện lấy tinh trùng hoặc noãn của người chết để trữ lạnh và thụ tinh sau này. Tuy nhiên, chưa có quy định nào điều chỉnh vấn đề này, do đó, cũng không có hành lang pháp lý nào để đảm bảo việc thực hiện. Vì vậy, vấn đề đặt ra là có nên công nhận quyền hưởng di sản của những người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế bằng các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản (KTHTSS) hay không khi xem xét đến các yếu tố khác như: Nhằm tôn trọng ý chí của người quá cố, điều chỉnh kịp thời nhu cầu thực tiễn đã phát sinh trong xã hội cũng như đảm bảo một cách tốt nhất quyền và lợi ích

* ThS., Khoa Luật, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

[1] Điều 613 BLDS 2015.

của những người liên quan. Mục đích sâu xa là đảm bảo cho việc thực thi pháp luật một cách thống nhất.

1.2. Thực tiễn về quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế tại Việt Nam

Tại Việt Nam, khi tiếp cận vấn đề quyền thừa kế của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế, tác giả nhận thấy một số hạn chế giữa thực tế với quy định pháp luật. Những lỗ hổng, bất cập đó dẫn đến những tranh luận không chỉ về mặt pháp lý mà còn về cả mặt đạo đức xã hội.

Lần đầu tại Việt Nam, hai bé sinh đôi chào đời bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm từ sự kết hợp giữa noãn của người mẹ với tinh trùng người chồng quá cố vào năm 2013 tại Hà Nội. Cụ thể, hai bé trai sinh đôi chào đời vào ngày 9/12/2013 tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương. Mẹ của hai bé là chị H.T.K.D với tinh trùng lấy và lưu trữ từ cơ thể người chồng quá cố là anh H.S.N sau 3 năm anh N chết vì tai nạn giao thông[2].

Trong trường hợp vừa nêu, việc lấy, lưu giữ và sử dụng tinh trùng của người chồng đã chết là không thể xác nhận được ý chí của người chồng. Vì sự kiện được tiến hành sau khi người chồng qua đời, hơn nữa, điều quan trọng là người chồng quá cố không để lại bất kì bằng chứng bằng văn bản hay chứng thư gì thể hiện ý chí về việc lấy, lưu giữ, sử dụng tinh trùng của mình, cũng như ý định về một đứa con sau khi mình qua đời.

Bên cạnh trường hợp của chị H.T.K.D, theo lời kể của bác sĩ L.V.V.V (bác sĩ đã tiến hành thành công ca thụ tinh ống nghiệm cho chị H.T.K.D) thì còn có một trường hợp khác về sinh con từ tinh trùng của người chồng đã chết tại Việt Nam. Tuy cả hai trường hợp này, việc sử dụng tinh trùng của người chồng để tiến hành sinh con đều được thực hiện sau khi người chồng đã qua đời, nhưng điểm khác biệt là trong trường hợp của chị H.T.K.D, tinh trùng của người chồng được lấy ngay sau thời điểm người chồng qua đời rồi tiến hành lưu giữ, sau đó mới tiến hành thụ tinh trong ống nghiệm cùng trứng của người vợ. Còn trong trường hợp thứ hai, việc lấy tinh trùng của người chồng quá cố lại được tiến hành trước khi qua đời, sau đó số tinh trùng này của người chồng được lưu giữ tại một bệnh viện và sau khi người chồng qua đời, số tinh trùng ấy tiếp tục được lưu giữ để tiến hành kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cùng với noãn của người vợ[3].

Tuy nhiên, như đã phân tích, nếu căn cứ vào quy định Điều 613 BLDS 2015 thì tại thời điểm hai người chồng chết, những đứa trẻ chưa thành thai nên không được xác định là người thừa kế của họ. Điều đáng nói ở đây là sẽ xảy ra mâu thuẫn trong việc thi hành luật giữa quy định của BLDS và pháp luật về hôn nhân và gia đình. Bởi, nếu trong trường hợp này hai người vợ cùng gia đình tiến hành các thủ tục nhận cha theo pháp luật hôn nhân và gia đình và kết luận trong quyết định của Tòa án xác định những đứa trẻ là con của người bố đã mất thì các cháu sẽ có tư cách là người thừa kế tài sản của cha mình.

Nhưng nếu áp dụng luật thừa kế vào trường hợp này sẽ tạo nên sự "va chạm" khi

[2] Phương Trang, *Sinh đôi từ tinh trùng của chồng quá cố*, https://vnexpress.net/sinh-doi-tu-tinh-trung-cua-chong-qua-co-2930031.html, truy cập ngày 15/9/2022.

[3] T.Nhung, *Câu chuyện thứ 2 về sinh con nhờ tinh trùng của chồng đã mất*, http://news.zing.vn/cau-chuyen-thu-2-ve-sinh-con-nho-tinh-trung-cua-chong-da-mat-post381445.html, truy cập ngày 15/9/2022.

luật này quy định: "Người thừa kế phải là người đã thành thai trước khi người để lại tài sản chết". Do vậy, dù có quyết định của Tòa án xác nhận các bé là con của người cha đã chết thì cũng không được hưởng di sản thừa kế mà người cha để lại. Đây chính là lỗ hổng pháp lý, không đảm bảo được quyền lợi cho người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế. Vì thế, cần có những quy định riêng biệt cho trường hợp này. Cần công nhận quyền được hưởng thừa kế của đứa trẻ nếu trước đó người chồng quá cố có thể hiện sự đồng ý về việc hình thành đứa con. Việc công nhận quyền thừa kế là thực sự cần thiết, đảm bảo cho việc đứa trẻ sẽ không bị khuyết quyền cũng như quyền lợi chính đáng mà những đứa trẻ phải được nhận. Vì, nếu chứng minh được mối quan hệ cha con thực tế sẽ phát sinh những quyền nhân thân liên quan từ mối quan hệ cha con, và quyền thừa kế cũng là một trong những quyền lợi chính đáng đứa trẻ đương nhiên phải nhận được.

Từ vấn đề trên nhận thấy, pháp luật hiện nay vẫn còn bất cập, chưa cập nhật được tiến bộ của khoa học kỹ thuật đối với đời sống, không đảm bảo được quyền và lợi ích cho mọi công dân trong những trường hợp phát sinh từ nhu cầu thực tiễn. Bởi vậy, cần phải sửa đổi kịp thời các quy phạm pháp luật để lấp những lỗ hổng pháp lý giúp giải quyết các vấn đề mà pháp luật vẫn chưa có câu trả lời.

2. Quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế theo pháp luật một số nước trên thế giới

2.1. Quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế theo pháp luật một số bang ở Hoa Kỳ

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật và nhu cầu của con người phần lớn đi trước những quy định mà các nhà làm luật dự liệu. Điều này xảy ra ngay cả với Hoa Kỳ - một quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển cũng từng đối mặt với những tranh cãi về mặt đạo đức lẫn pháp luật trong việc xác định quyền hưởng thừa kế của người đã thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế.

Trên thực tế, trong một số trường hợp, người mẹ của những đứa trẻ thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế đã tiến hành yêu cầu cơ quan An sinh xã hội căn cứ vào thâm niên đóng thuế an sinh xã hội của người chồng (đã chết) trước đó để cấp quyền hưởng an sinh xã hội cho đứa con. Thông thường, yêu cầu này sẽ bị cơ quan An sinh xã hội từ chối. Sự mâu thuẫn lợi ích giữa hai bên buộc Tòa án phải vào cuộc giải quyết. Kết quả phán quyết chia thành hai xu hướng chính: (i) Phán quyết có lợi cho người mẹ - buộc cơ quan An sinh xã hội phải chấp nhận yêu cầu này hoặc (ii) Phán quyết có lợi cho cơ quan An sinh xã hội – bác yêu cầu của người mẹ[4].

Trong vụ việc thứ nhất, Karen Capato và Robert Capato là hai vợ chồng. Năm 1999, khi biết mình mắc bệnh ung thư, Robert đã tiến hành gửi tinh trùng vào ngân hàng vào 2001. Mười tám tháng sau khi Robert qua đời, Karen thực hiện việc thụ tinh trong ống nghiệm và sinh ra 2 bé gái từ tinh trùng của người chồng đã mất vào năm 2003. Karen đã làm hồ sơ để 2 đứa con của mình được hưởng quyền an sinh xã hội,

[4] Nguyễn Hồ Bích Hằng và Ngô Thị Anh Vân, *Một số góp ý về người thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự - Bàn về tư cách hưởng thừa kế của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 05 (90), năm 2015, tr. 48.

song yêu cầu này của cô không được cơ quan An sinh xã hội chấp nhận với lý do những đứa trẻ của cô không được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, theo quan điểm của cơ quan này, 2 đứa con của Karen không được hưởng các quyền lợi an sinh do Robert để lại. Các bên không thống nhất được vấn đề này nên vụ việc sau đó được giải quyết tại Tòa án[5].

Theo luật của bang Florida, hai người con của Karen không được thừa nhận là con của Robert, vì thế không được hưởng thừa kế đối với di sản do Robert để lại (bao gồm cả quyền lợi an sinh xã hội). Trên cơ sở đó, Tòa án bang Florida đã tuyên rằng, quyết định của cơ quan An sinh xã hội là đúng. Như vậy, trong vụ việc này, do hôn nhân giữa Karen và Robert đã chấm dứt tại thời điểm Robert chết, nên theo quy định của bang Florida thì quan hệ cha-con giữa họ không còn tồn tại. Vì vậy, hai đứa trẻ này không là người thừa kế của Robert và không được hưởng quyền lợi an sinh xã hội mà Robert để lại.

Trong vụ việc thứ hai, Ông William Kolacy bị chẩn đoán mắc bệnh bạch cầu, vì thế ông quyết định trữ tinh trùng của mình vào ngân hàng tinh trùng trước khi tiến hành hóa trị, việc gần như khiến ông sẽ khó có thể có con được nữa. 14 tháng sau, ông qua đời vì căn bệnh của mình. Một năm sau cái chết của ông, Mariantonia Kolacy đã sử dụng tinh trùng mà chồng để lại gửi đến Trung tâm Y học sinh sản và vô sản tại Trường Đại học Y khoa, Đại học Cornell ở thành phố New York tiến hành thụ tinh IVF bằng tinh trùng của chồng và trứng của mình. Việc thụ tinh thành công, hai bé gái sinh đôi là Amanda và Elyse được sinh ra sau hơn 18 tháng kể từ ngày cha chúng mất[6].

Sau khi bị từ chối mọi chính sách an sinh xã hội dành cho những đứa con của mình với tư cách là con gái của William Kolacy, Mariantonia Kolacy đã kiện ra Tòa án bang New Jersey. Tòa án thụ lý lập luận rằng, mặc dù pháp luật chưa quy định cụ thể cách giải quyết chính xác đối với trường hợp này, nhưng lại thể hiện một định hướng chung là những đứa con của người đã chết nên được cung cấp đầy đủ tư cách hưởng thừa kế. Hơn nữa, những quy định chung nên được ưu tiên áp dụng hơn các đạo luật làm hạn chế quyền. Vì thế Tòa án kết luận rằng: Theo những quy định chung, khi rơi vào tình huống như trên, tức một đứa trẻ sinh ra từ tinh trùng của một người đã chết, chúng ta nên công nhận tư cách thừa kế di sản của người đã chết, trừ trường hợp việc công nhận này không đảm bảo công bằng cho những người khác hoặc có thể dẫn đến những vấn đề nghiêm trọng liên quan đến quản lý trật tự của di sản. Do đó, ở New Jersey, ít nhất là cho đến hiện tại, trẻ được sinh ra bằng thụ tinh nhân tạo được công nhận tư cách hưởng thừa kế, tùy thuộc vào một số giới hạn nhất định[7].

Như vậy, để giải quyết việc công nhận quyền thừa kế của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế, vấn đề đầu tiên mà hai tiểu bang nói trên cũng như hầu hết các tiểu bang đều hướng tới để từ đó công nhận quyền thừa kế này chính là một đạo luật chứa đựng các quy định khẳng định

[5] Astrue, Commissioner of Social security v. Capato, on behalf of b. N. C. Et al.No. 11-159. Argued March 19, 2012-Decided May 21, 2012.

[6] In re Kolacy, 753 A.2d 1257, 1258 (N.J. Super. 2000).

[7] Erica Howard-Potter (2006), *Beyond Our Conception: A Look at Children Born Posthumously Through Reproductive Technology and New York Intestacy Law,* Buffalo Women's Law Journal, tr. 14.

tư cách cha - mẹ - con giữa người đã thành thai bằng tinh trùng hoặc noãn của người đã quá cố sinh ra sau thời điểm mở thừa kế có được công nhận hay không. Vấn đề này được giải quyết tại Đạo luật Uniform Parentage năm 1973 và giải quyết cụ thể hơn tại Đạo luật Uniform Parentage năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2002). Mặc dù có sự thay đổi theo thời gian, nhưng có thể tóm lược tinh thần của Đạo luật Uniform Parentage chỉ yêu cầu cần có sự đồng ý của người cha hoặc mẹ đã chết (theo ý chí của họ khi còn sống) và nếu không có sự đồng ý này trong hồ sơ, việc sử dụng gen của người đã chết trong việc sinh ra một đứa trẻ bằng phương pháp hỗ trợ sinh sản sẽ có khả năng không xác lập quyền làm cha mẹ hợp pháp của người quá cố.

Một số tiểu bang như Alabama, Delaware, New Mexico, Utah, Washington, Wyoming, North Dakota… hoàn toàn đi theo tinh thần của Đạo luật Uniform Parentage[8]. Bên cạnh đó, một số tiểu bang chỉ tham khảo Đạo luật Uniform Parentage và trên cơ sở đó đưa ra một số quy định riêng, nhằm tăng thêm sự nghiêm ngặt trong việc điều chỉnh vấn đề thừa kế của người thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế. Trong đó, Louisiana là một trong những tiểu bang ban hành trực tiếp đạo luật liên quan đến trẻ sinh ra sau khi người để lại di sản chết. Theo đạo luật Louisiana, một đứa trẻ được sinh ra sau khi người để lại di sản chết là *"con của người quá cố, có tất cả các quyền, kể cả khả năng hưởng thừa kế từ người quá cố, giống như đứa trẻ đã sinh ra trước thời điểm người cha chết, tùy thuộc vào những hạn chế nhất định"*[9]. Tuy nhiên, người quá cố phải "đặc biệt ủy quyền bằng văn bản cho người phối ngẫu còn sống của mình được phép sử dụng giao tử của mình", đứa trẻ phải "do người vợ hoặc chồng còn sống sinh ra từ việc sử dụng các giao tử của người quá cố" và đứa trẻ phải được sinh ra "trong vòng ba năm sau cái chết của người quá cố"[10]. "Quy chế này cũng bao gồm một điều khoản về quyền của bất kỳ người thừa kế nào của người quá cố mà quan tâm đến việc kế vị của người quá cố sẽ bị giảm bớt do sự ra đời của đứa trẻ này"[11]. Rõ ràng, theo đạo luật của tiểu bang Louisiana, những đứa trẻ như vậy được sinh ra ở bang này đều chắc chắn được coi là những người thừa kế, miễn là chúng phù hợp với những quy định của pháp luật.

Ở Texas, phần điều kiện về ý chí của người quá cố được quy định tại Luật Gia đình Texas (Texas Family Code - FAM) và điều kiện về thời hạn sinh con lại được đề cập trong Bộ luật Chứng thực di chúc (Texas Texas Probate Code). Theo đó, trong việc xử lý phân chia di sản thừa kế là bất động sản theo di chúc thì việc sử dụng tinh trùng chỉ được giới hạn trong vòng bốn năm. Sau bốn năm, di chúc sẽ hết hiệu lực và nếu như trong khoảng thời gian bốn năm nhưng bản chứng thực không có thiện ý, thì đứa trẻ sinh ra dù trong bốn năm vẫn không được hưởng quyền thừa kế[12].

Tại tiểu bang California, mặc dù có hiệu lực tương tự quy định của tiểu bang Louisiana, nhưng luật California có cách tiếp cận khác. Khi xác định quyền sở hữu

[8] Restatement (Third) Of Prop: Wills And Other Donative Transfers § 14.8 (2009) (Unless the language or circumstances indicate [otherwise], achild of assisted reproduction is treated for class-gift purposes as a child of a person whoconsented to function as a parent to the child…).

[9] LA. REv. STAT. ANN. § 391.1(A).
[10] LA. REV. STAT. ANN. § 391.1(A) (2008).
[11] LA. REV. STAT. ANN. § 391.1(B) (2008).
[12] TEX. PROB. CODE ANN. § 73 (West 2003).

của trẻ theo luật California, một đứa trẻ được thụ tinh sẽ được đối xử như thể nó đã được "sinh ra trong khoảng thời gian người quá cố còn sống" nếu tất cả các tiêu chuẩn được chứng minh bằng các bằng chứng rõ ràng và thuyết phục[13].

2.2. Quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế theo pháp luật Anh

Thực tiễn pháp lý ở Anh có một vụ việc liên quan được nhiều người biết đến như sau: Diane Blood, đến từ Worksop, Nottinghamshire có người chồng (Stephen), đã chết vì bệnh viêm màng não ngay sau khi rơi vào tình trạng hôn mê vào năm 1995. Trong khi anh ta đang ở trong trạng thái hôn mê, bà thuyết phục các bác sĩ trích xuất một số tinh trùng của chồng mình[14].

Luật pháp nước Anh tại thời điểm này quy định việc lưu giữ, vận chuyển và sử dụng tinh trùng cho việc thụ tinh trong ống nghiệm của một người đàn ông phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó. Vì thế, bà phải sang Bỉ để thụ tinh ống nghiệm, và sinh con trai đầu vào năm 1998. Bốn năm sau, con trai thứ hai ra đời cũng bằng phương pháp này. Bà đã gặp trở ngại pháp lý khi luật cấm đăng ký người chồng đã chết làm cha của đứa trẻ. Giấy khai sinh của con bà đã phải để trống tên người cha. Điều này được lý giải là do các điều khoản của Đạo luật Thụ tinh và phôi thai ở người năm 1990 quy định một người đàn ông không được coi là cha hợp pháp của đứa trẻ nếu đứa trẻ được hình thành từ tinh trùng đông lạnh hoặc phôi đông lạnh sau cái chết của người đàn ông đó.

Năm 2008, Đạo luật Thụ tinh và phôi thai mới của Anh ra đời, theo đó, tại Điều 39, điều kiện để sử dụng tinh trùng hoặc phôi sau khi chết của người đàn ông cung cấp tinh trùng bao gồm:

Thứ nhất, đứa trẻ sinh ra từ tinh trùng của một người đàn ông sau khi chết phải được áp dụng KTHTSS thụ tinh trong ống nghiệm hoặc thụ tinh nhân tạo.

Thứ hai, người vợ muốn sinh con từ tinh trùng của người chồng sau khi chết phải ở một trong hai trường hợp: (1) Người vợ sử dụng trực tiếp tinh trùng của người chồng sau khi chết; hoặc (2) Người vợ sử dụng phôi được thụ tinh từ tinh trùng của người chồng và trứng của mình trước thời điểm người chồng qua đời. Như vậy, người vợ vừa có thể sử dụng tinh trùng của người chồng sau khi chết vừa có thể sử dụng phôi mà trước đó hai vợ chồng đã thụ tinh được và gửi trữ lạnh. Tuy nhiên, ở đây luật đặt ra điều kiện đối với trường hợp người vợ sử dụng phôi thai đã thụ tinh từ tinh trùng của chồng mình trước khi người chồng này chết là phôi thai này phải được đặt trong cơ thể người phụ nữ này mà không thể là một người phụ nữ khác.

Thứ ba, muốn sinh con từ tinh trùng của người đã chết, người vợ phải có sự đồng ý một cách minh thị của chồng mình. Về hình thức, sự đồng ý này phải được người chồng thể hiện bằng văn bản, gọi là di thư. Về nội dung, văn bản này phải thể hiện đầy đủ hai nội dung: (i) Người chồng đồng ý rằng sau cái chết của mình, người vợ được sinh một đứa con bằng chính tinh trùng của mình hoặc phôi được thụ tinh từ tinh trùng của mình vào thời điểm trước khi chết; và (ii) Người chồng đồng ý với việc áp dụng các

[13] CAL. PROB. CODE § 249.5.

[14] The Guardian, *Diane Blood law victory gives her sons their 'legal' father*, https://www.theguardian.com/science/2003/sep/19/genetics.uknews, truy cập ngày 17/9/2022.

quy định tại khoản 3 Điều này[15] với tư cách là cha đẻ của bất kỳ đứa trẻ nào được sinh ra theo cách như đã nói ở trên.

Thứ tư, người vợ đã sinh con từ tinh trùng của người chồng đã chết, trong thời hạn không quá 42 ngày kể từ ngày đứa trẻ được sinh ra, phải nộp đơn đề nghị ghi nhận tên cha cho đứa trẻ. Tại Scotland, điều kiện này áp dụng ngắn hơn, cụ thể là 21 ngày. Đây là điều kiện để thông tin của người cha được ghi vào giấy khai sinh của đứa trẻ, cũng có nghĩa, người chồng có tinh trùng được sử dụng sau khi chết này được thừa nhận là cha đẻ của đứa trẻ.

Như vậy, pháp luật hiện hành của Anh, cụ thể là Đạo luật Thụ tinh và phôi thai năm 2008, cho phép xác định một người đàn ông có tinh trùng được sử dụng sau khi chết để sinh ra một đứa trẻ là cha đẻ của đứa trẻ đó, và tên của người đàn ông này được ghi vào giấy khai sinh của đứa trẻ. Tuy nhiên, pháp luật Anh đặt ra nhiều điều kiện nghiêm ngặt để có thể áp dụng những quy định trên. Trong đó, đặc biệt đáng chú ý là điều kiện người đàn ông có tinh trùng được sử dụng trước khi chết phải biểu hiện ý chí của mình theo hướng đồng ý với người phụ nữ sử dụng tinh trùng đó về sự ra đời của đứa trẻ. Sự đồng ý này bắt buộc phải thể hiện bằng một văn bản.

Quy định này được đánh giá là một thay đổi quan trọng và tiến bộ so với Đạo luật Thụ tinh và phôi thai năm 1990 khi không thừa nhận người đàn ông có tinh trùng được sử dụng sau khi chết để sinh ra một đứa trẻ là cha của đứa trẻ đó. Sự thay đổi của Đạo luật năm 2008 cũng đồng thời là sự ghi nhận nhu cầu thực tế nhằm cập nhật pháp luật để phù hợp với thực tiễn xã hội. Mặc dù vậy, các quy định này bị người trong cuộc đánh giá là khắt khe, vì trong một số trường hợp, người đàn ông trước lúc qua đời đã biểu hiện ý chí về việc mong muốn có một đứa con hoặc đồng ý để một người phụ nữ sử dụng tinh trùng hoặc phôi được thụ tinh từ tinh trùng của mình để sinh một đứa trẻ, nhưng có nhiều nguyên nhân dẫn đến cái chết đột ngột mà chính người đàn ông này không thể chuẩn bị kịp thời một văn bản ghi nhận các ý chí của mình. Mặt khác, pháp luật Anh chỉ dừng lại ở việc cho phép việc sinh con từ tinh trùng hoặc phôi được thụ tinh từ tinh trùng của người cha quá cố và ghi nhận tên của người cha này vào giấy khai sinh của đứa trẻ. Điều này có nghĩa là đứa trẻ sinh ra vẫn không được coi là con "hợp pháp" vì pháp luật Anh đã không cho phép đứa trẻ này được hưởng quyền thừa kế di sản của người cha và nhiều quyền lợi khác mà một đứa trẻ "hợp pháp" khác được hưởng.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế

Xã hội luôn vận động và phát triển không ngừng, do đó sẽ làm phát sinh những vấn đề pháp lý mới cần được điều chỉnh bởi những quy định của luật. Liên quan đến khía cạnh về quyền thừa kế của đứa trẻ được thành thai và sinh ra sau thời điểm người thừa kế chết, nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho những đứa trẻ này, tác giả đề xuất sửa đổi quy định tại Điều 613 BLDS 2015 theo hướng: *"Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết, trừ trường hợp người được thành thai*

[15] Khoản 3 Điều 39 Đạo luật Thụ tinh và phôi thai năm 2008 quy định: Cho phép ghi nhận thông tin của người cha vào giấy đăng ký khai sinh của đứa trẻ.

và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế vẫn được coi là người thừa kế nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều… và quy định pháp luật liên quan. Trong trường hợp người thừa kế theo di chúc là cơ quan, tổ chức thì phải là cơ quan, tổ chức tồn tại vào thời điểm mở thừa kế".

Để đảm bảo cơ chế điều chỉnh liên quan đến quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế, tác giả đề xuất một số nội dung chi tiết như sau:

Thứ nhất, liên quan đến vấn đề xác định ý chí của người quá cố trong việc sử dụng tinh trùng, noãn hoặc phôi của mình để sinh con sau thời điểm mở thừa kế.

Trên cơ sở các kinh nghiệm học tập được từ Hoa Kỳ và Anh cũng như qua đánh giá những ưu điểm và hạn chế từ việc quy định ý chí của người quá cố, tác giả đề xuất: Pháp luật Việt Nam cần quy định người quá cố phải để lại văn bản thể hiện sự đồng ý của mình về việc tinh trùng hoặc noãn hoặc phôi được thụ tinh được sử dụng để sinh con sau khi chết. Vì văn bản này thể hiện ý chí của người quá cố nên cần được xem như một "bản di chúc", tác giả cho rằng phần nội dung và hình thức của văn bản này cũng sẽ được áp dụng tương tự những quy định về di chúc từ Điều 627 đến Điều 640 BLDS 2015.

Chính vì thế, tác giả đề xuất một điều luật về một trong các điều kiện liên quan đến việc công nhận quyền thừa kế của người thành thai sau thời điểm mở thừa kế trong BLDS 2015 như sau:

Điều …: Xác định ý chí của người quá cố trong việc lưu giữ tinh trùng, noãn hoặc phôi để việc sinh con sau thời điểm mở thừa kế.

Người quá cố phải để lại văn bản thể hiện sự đồng ý về việc lưu giữ tinh trùng, noãn hoặc phôi của mình nhằm mục đích sinh ra một đứa trẻ. Nội dung và hình thức của văn bản áp dụng tương tự phần quy định về nội dung và hình thức của di chúc trong Bộ luật này.

Thứ hai, kiến nghị quy định của pháp luật về thủ tục thông báo khi một bên vợ, chồng có ý định sẽ tiến hành áp dụng các KTHTSS từ tinh trùng, noãn hoặc phôi của người quá cố.

Từ những kinh nghiệm được rút ra qua việc nghiên cứu pháp luật Hoa Kỳ và Anh, tác giả kiến nghị pháp luật Việt Nam nên quy định cụ thể về thủ tục thông báo khi người vợ hoặc chồng của người quá cố có ý định sẽ tiến hành áp dụng các KTHTSS từ tinh trùng, noãn hoặc phôi của người quá cố. Cụ thể:

(i) Pháp luật cần quy định bắt buộc người vợ hoặc chồng của người quá cố phải thực hiện thủ tục thông báo khi có ý định tiến hành việc mang thai một đứa trẻ theo cách như trên. Lý do của việc này là nhằm bảo vệ quyền lợi liên quan của những người đồng thừa kế hoặc sẽ là người thừa kế nếu không có sự xuất hiện của đứa trẻ, đồng thời trực tiếp bảo vệ những quyền lợi của đứa trẻ này. Việc thông báo sẽ hạn chế được những khó khăn liên quan đến việc giải quyết vấn đề thừa kế cũng như những tranh chấp có thể phát sinh nếu không thông báo.

(ii) Về hình thức thông báo, BLDS Việt Nam cần quy định một cách cụ thể rằng, việc thông báo phải được ghi nhận dưới hình thức một văn bản, cụ thể là văn bản có chữ ký của người vợ hoặc chồng của người quá cố và người làm chứng.

(iii) Về đối tượng được thông báo, tác giả cho rằng, người vợ hoặc chồng của người quá cố cần thực hiện thủ tục thông báo đến người quản lý di sản và người hoặc đại diện

hợp pháp của những đồng thừa kế khác.

(iv) Về thời hạn thực hiện thủ tục thông báo, tác giả kiến nghị BLDS cần giới hạn trong vòng 120 ngày. Cơ sở của việc đưa ra khoảng thời gian này xuất phát từ phong tục, tập quán của Việt Nam liên quan đến việc kiêng kị trong khoảng thời gian 100 ngày sau khi người để lại di sản qua đời và những yếu tố thuộc về tâm lý, sức khỏe của người vợ, chồng của người quá cố sau cú sốc mất đi người thân của mình. Do đó, tác giả đề xuất BLDS cần ghi nhận thêm một quy định cho vấn đề liên quan đến thủ tục thông báo khi một bên vợ/chồng của người quá cố có ý định tiến hành mang thai và sinh con từ tinh trùng, noãn hoặc phôi của người quá cố như sau:

"Điều ...

... Trước khi tiến hành việc mang thai bằng các KTHTSS hoặc mang thai hộ từ tinh trùng, noãn hoặc phôi của người quá cố, người vợ hoặc chồng của người này phải thông báo và xuất trình giấy tờ liên quan chứng minh ý định này của mình cho người quản lý di sản biết trong thời gian không quá 120 ngày kể từ thời điểm người để lại di sản chết.

Việc thông báo này cần được lập thành văn bản có chữ ký của người vợ hoặc chồng của người quá cố và chữ ký của người làm chứng".

Thứ ba, kiến nghị quy định về giới hạn thời gian sinh con trong trường hợp người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế. Cụ thể, BLDS cần ghi nhận quy định giới hạn thời hạn sinh con trong trường hợp đứa trẻ được sinh ra từ tinh trùng, noãn hoặc phôi của người đã chết như sau:

"Điều ...

Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ thời điểm người để lại di sản chết, đứa trẻ được sinh ra từ tinh trùng, noãn hoặc phôi của người này có thể được công nhận tư cách hưởng thừa kế nếu thoả mãn các điều kiện được quy định tại các điều…".

Sở dĩ tác giả chọn giới hạn thời gian "05 năm" cũng xuất phát từ phong tục, tập quán truyền thống liên quan đến việc né tránh một số điều được xem là "kiêng kị" trong khoảng thời gian để tang. Ngoài ra, khi xét đến lợi ích của các đồng thừa kế, việc quy định thời hạn 05 năm còn tính đến yếu tố sự hao mòn của di sản thừa kế theo thời gian. Hơn thế nữa, việc thực hiện sinh con bằng KTHTSS cũng không phải dễ dàng, do đó, thời hạn 05 năm được xem là hợp lý.

Thứ tư, kiến nghị về giải quyết vấn đề thừa kế của đứa trẻ được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam không xem người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế là một người thừa kế, hay nói cách khác, đứa trẻ này không được hưởng thừa kế từ tài sản của người cha hoặc mẹ đã chết và những người thân khác trong gia đình. Tuy nhiên, nếu thừa nhận quyền hưởng di sản của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế thì việc giải quyết vấn đề thừa kế của chủ thể này được xác định như một cá nhân là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trong trường hợp di sản thừa kế đã được phân chia thì những người đồng thừa kế phải trích lại một phần di sản tương ứng với phần di sản mà đối tượng này được hưởng; nếu không phân chia được bằng hiện vật thì có thể quy đổi thành tiền để thực hiện.